

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 03 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Luật nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐTĐHL ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Trường Trường Đại học Luật về việc Thông qua Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024 của Trường Đại học Luật, Đại học Huế;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024 của Trường Đại học Luật, Đại học Huế (chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Phòng Đào tạo xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển sinh trên cơ sở nội dung của Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường phòng Đào tạo và Trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, KTĐBCLGD.

Đoàn Đức Lương

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 197/QĐ-ĐHL ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế)

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Luật, Đại học Huế (tên viết tắt: HUL)
2. Mã trường: DHA
3. Địa chỉ trụ sở chính: Đường Võ Văn Kiệt, phường An Tây, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://hul.edu.vn>
(Trang thông tin tuyển sinh: tuyensinh.hul.edu.vn)
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
<https://www.facebook.com/hul.edu.vn>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0234.3946997

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://hul.edu.vn/vi/unit_page/phong-khao-thi-bdclgd/cong-khai-clgd

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp*	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực pháp luật					
Luật	Đại học	650	516	384	89,6%
Luật Kinh tế	Đại học	450	397	346	92,3%
Tổng		1100	913	730	

* Số sinh viên tốt nghiệp tham gia trả lời tại thời điểm thực hiện khảo sát.

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Năm 2022: http://tuyensinh.hul.edu.vn/News/Detail/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2022-cua-truong-dai-hoc-luat-dai-hoc-hue-du-kien_20220205013707

Năm 2023: https://tuyensinh.hul.edu.vn/News/Detail/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2023-cua-truong-dai-hoc-luat-dai-hoc-hue_20230207220313

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

* Phương thức tuyển sinh của năm 2022:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi TN THPT năm 2022
- Phương thức 3: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh áp dụng năm 2022

- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo phương thức riêng của Trường Đại học Luật, Đại học Huế

* Phương thức tuyển sinh của năm 2023:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi TN THPT năm 2023
- Phương thức 3: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh áp dụng năm 2023

- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo phương thức riêng của Trường Đại học Luật, Đại học Huế

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://hul.edu.vn/vi/page/chuong-trinh-dao-tao>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>	<i>(10)</i>
1.	Luật kinh tế	7380107	110/QĐ/ĐHH-ĐTĐH	25/01/2011	1377a/QĐ-ĐHH	06/12/2017	Đại học Huế	2011	2023
2.	Luật	7380101	15/QĐ/ĐHH-ĐTĐH	22/01/2010	1377a/QĐ-ĐHH	06/12/2017	Đại học Huế	2010	2023
3.	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	8380106	234/QĐ-ĐHH	06/03/2019			Đại học Huế	2019	2023
4.	Luật kinh tế	8380107	3642/QĐ-BGDĐT	12/09/2012	1377a/QĐ-ĐHH	06/12/2017	Bộ GD&ĐT	2012	2023
5.	Luật kinh tế	9380107	1779/QĐ-BGDĐT	25/05/2016	1377a/QĐ-ĐHH	06/12/2017	Bộ GD&ĐT	2016	2023

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://hul.edu.vn/vi/unit_page/phong-khao-thi-bdclgd/cong-khai-clgd

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
1.1	Lĩnh vực pháp luật		
1.1.1	Ngành Luật Kinh tế	9380107	38
2	Thạc sĩ		
2.1	Lĩnh vực pháp luật		
2.1.1	Ngành Luật Kinh tế	8380107	649
B	ĐẠI HỌC		
3	Đại học chính quy		
3.1	Chính quy		
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.1.1	Lĩnh vực ...		
3.1.1.1.1	Ngành...		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	Lĩnh vực pháp luật		
3.1.2.1.1	Ngành Luật	7380101	2173
3.1.2.1.2	Ngành Luật kinh tế	7380107	2235
3.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
3.2.1	Lĩnh vực pháp luật		
3.2.1.1	Ngành Luật	7380101	110
3.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
3.3.1	Lĩnh vực...		
3.3.1.1	Ngành....		
3.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
3.4.1	Lĩnh vực pháp luật		
3.4.1.1	Ngành Luật	7380101	241
4	Đại học vừa làm vừa học		
4.1	Vừa làm vừa học		
4.1.1	Lĩnh vực pháp luật	7380101	343
4..1.1.1	Ngành Luật		
4.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
4.2.1	Lĩnh vực pháp luật		

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
4.2.1.1	Ngành Luật	7380101	605
4.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
4.3.1	Lĩnh vực...		
4.3.1.1	Ngành...		
4.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4.2.1	Lĩnh vực pháp luật		
4.2.1.1	Ngành Luật		546

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 10 ha
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: Kí túc xá dùng chung trong toàn Đại học Huế
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên

một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	74	7926
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1500
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	14	1540
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	26	1690
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	30	3056
1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	75
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	1	65
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	2	9338
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	1	200
	Tổng	77	17464

10.3. Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1.	Bùi Thị Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
2.	Bùi Thị Thuận Ánh		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
3.	Cao Đình Lành		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
4.	Đặng Công Cường		Tiến sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính		Luật
5.	Đặng Sỹ		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật kinh tế
6.	Đặng Thị Hà		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
7.	Đặng Thị Ngọc Hạnh		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Luật
8.	Đào Mộng Điệp		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
9.	Đỗ Thị Diễm		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
10.	Đỗ Thị Kiều Trinh		Đại học	Luật kinh tế		Luật kinh tế
11.	Đỗ Thị Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
12.	Đoàn Đức Lương	PGS	Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
13.	Đông Thị Huyền Nga		Thạc sĩ	Luật quốc tế		Luật
14.	Dương Thị Cẩm Nhung		Thạc sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Luật
15.	Hà Lệ Thủy		Tiến sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Luật
16.	Hồ Minh Thành		Thạc sĩ	Luật		Luật
17.	Hồ Nhân Ái		Tiến sĩ	Luật		Luật
18.	Hoàng Anh Tuấn		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế

19.	Hoàng Đình Thanh		Thạc sĩ	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		Luật
20.	Hoàng Minh Thành		Đại học	Luật kinh tế		Luật
21.	Hoàng Thảo Anh		Thạc sĩ	Luật		Luật
22.	Hoàng Thị Ái Quỳnh		Thạc sĩ	Luật		Luật
23.	Hoàng Thị Hải Yến		Tiến sĩ	Luật		Luật
24.	Hoàng Thị Huyền Trang		Thạc sĩ	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		Luật
25.	Hoàng Thị Thu Thủy		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
26.	Hoàng Thị Vĩnh Quỳnh		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
27.	Kim Long Biên		Tiến sĩ	Luật hình sự và tổ tụng hình sự		Luật
28.	Lê Bá Hưng		Thạc sĩ	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		Luật
29.	Lê Hồng Sơn		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
30.	Lê Hùng Nhân		Thạc sĩ	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		Luật
31.	Lê Khắc Đại		Thạc sĩ	Luật quốc tế		Luật
32.	Lê Ngọc Đoàn		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
33.	Lê Ngọc Phú		Thạc sĩ	Luật		Luật
34.	Lê Thanh Sơn	PGS	Tiến sĩ	Hoá lí thuyết và hoá lí		Luật
35.	Lê Thảo Nguyên		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
36.	Lê Thị Diệu Chi		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
37.	Lê Thị Hải Ngọc		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
38.	Lê Thị Hằng		Tiến sĩ	Luật		Luật
39.	Lê Thị Khánh Linh		Thạc sĩ	Luật hình sự và tổ tụng hình sự		Luật

40.	Lê Thị Nga		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
41.	Lê Thị Phúc		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật
42.	Lê Thị Thảo		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật
43.	Lê Thị Thìn		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật
44.	Lê Thị Thùy Nhi		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
45.	Lê Văn Cao		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
46.	Lữ Vũ Lực		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật
47.	Lý Nam Hải		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
48.	Mai Đăng Lưu		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Luật kinh tế
49.	Mai Thị Diệu Thuý		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
50.	Mai Xuân Hợi		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
51.	Ngô Hữu Phúc		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
52.	Ngô Văn Thìn		Tiến sĩ	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm		Luật
53.	Nguyễn Duy Phương	PGS	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
54.	Nguyễn Duy Thanh		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
55.	Nguyễn Giang Trường		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
56.	Nguyễn Hoàng Linh Chi		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật
57.	Nguyễn Hồng Sơn		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Luật
58.	Nguyễn Hữu Khánh Linh		Thạc sĩ	Luật quốc tế		Luật

59.	Nguyễn Huyền Ly		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
60.	Nguyễn Huỳnh Huyền		Tiến sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Luật
61.	Nguyễn Khắc Hùng		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
62.	Nguyễn Lương Sỹ		Thạc sĩ	Luật		Luật
63.	Nguyễn Lưu Lan Phương		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
64.	Nguyễn Ngọc Châu Anh		Đại học	Luật quốc tế		Luật
65.	Nguyễn Ngọc Huy		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật
66.	Nguyễn Ngọc Khánh Linh		Đại học	Luật Kinh tế		Luật kinh tế
67.	Nguyễn Ngọc Kiện	PGS	Tiến sĩ	Luật		Luật
68.	Nguyễn Sơn Hà		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
69.	Nguyễn Sơn Hải		Thạc sĩ	Luật		Luật
70.	Nguyễn Tài Năng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật kinh tế
71.	Nguyễn Thanh Tùng		Tiến sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Luật kinh tế
72.	Nguyễn Thị Bình		Tiến sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Luật
73.	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Luật		Luật
74.	Nguyễn Thị Hạnh		Thạc sĩ	Luật quốc tế		Luật
75.	Nguyễn Thị Hoài		Đại học	Luật		Luật
76.	Nguyễn Thị Hoài Phương		Tiến sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính		Luật
77.	Nguyễn Thị Hồng Thuý		Tiến sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Luật
78.	Nguyễn Thị Hồng Trinh		Tiến sĩ	Luật quốc tế		Luật kinh tế

79.	Nguyễn Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Luật hình sự và tổ tụng hình sự		Luật
80.	Nguyễn Thị Lê Huyền		Tiến sĩ	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		Luật
81.	Nguyễn Thị Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật kinh tế
82.	Nguyễn Thị Phi Yến		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
83.	Nguyễn Thị Thu Hồng		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
84.	Nguyễn Thị Thúy Hằng		Tiến sĩ	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		Luật
85.	Nguyễn Thị Triền		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
86.	Nguyễn Thị Vân Anh		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
87.	Nguyễn Trúc Thiên		Tiến sĩ	Luật		Luật
88.	Nguyễn Văn Bờng		Tiến sĩ	Luật hình sự và tổ tụng hình sự		Luật
89.	Nguyễn Văn Phúc		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật
90.	Nguyễn Võ Nhật Hà		Đại học	Luật		Luật
91.	Phạm Bá Tân		Thạc sĩ	Luật		Luật
92.	Phạm Diệu Linh		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
93.	Phạm Dương Quỳnh Anh		Đại học	Luật		Luật
94.	Phan Anh Thư		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
95.	Phan Đình Minh		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
96.	Phan Đình Nguyên		Thạc sĩ	Luật		Luật
97.	Phan Thị Hồng		Thạc sĩ	Luật		Luật
98.	Phan Vĩnh Tuấn Anh		Thạc sĩ	Luật		Luật
99.	Quách Đăng Hoà		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật kinh tế
100.	Tạ Thanh Bình		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật

101.	Thân Trọng Ngọc Trâm		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
102.	Thân Văn Tài		Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
103.	Trần Cao Thành		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật
104.	Trần Chí Thành		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
105.	Trần Công Thiệt		Tiến sĩ	Luật		Luật
106.	Trần Công Trung		Thạc sĩ	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		Luật
107.	Trần Ngọc Thúy		Thạc sĩ	Luật quốc tế		Luật kinh tế
108.	Trần Thế Hệ		Thạc sĩ	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		Luật
109.	Trần Thị Diệu Hà		Thạc sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính		Luật
110.	Trần Thị Diệu Hương		Thạc sĩ	Luật		Luật
111.	Trần Thị Nhật Anh		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
112.	Trần Thị Phương Ly		Đại học	Luật kinh tế		Luật kinh tế
113.	Trần Thị Xuân Hồng		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
114.	Trần Tiến Hải		Tiến sĩ	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		Luật
115.	Trần Văn Hải		Tiến sĩ	Luật hình sự và tổ tụng hình sự		Luật
116.	Trần Việt Dũng		Thạc sĩ	Luật		Luật
117.	Trần Việt Long		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
118.	Trần Võ Như Ý		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
119.	Trình Đức Thành		Đại học	Luật Kinh tế		Luật kinh tế
120.	Trương Hồng Quang		Tiến sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính		Luật
121.	Trương Mỹ Linh		Đại học	Luật		Luật
122.	Trương Thị Thu Hằng		Đại học	Luật		Luật
123.	Vũ Hoàng Minh Khánh		Đại học	Luật		Luật

124.	Vũ Thị Hương		Tiến sĩ	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		Luật
	Tổng số giảng viên toàn trường	124				

10.4. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1.	Bành Quốc Tuấn	Trường ĐH Luật TP. HCM	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật
2.	Bùi Kim Hiếu	Trường ĐH Ngoại ngữ - Tin học TP. HCM		Tiến sĩ	Luật		Luật
3.	Bùi Thị Huyền	Trường Đại học Luật Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
4.	Đặng Trần Thanh Ngọc	Trường ĐH TDTT Đà Nẵng		Tiến sĩ	Luật hình sự và tổ tụng hình sự		Luật
5.	Đặng Văn Quý	Toà án Quân sự QK5		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
6.	Đặng Vũ Huân	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành		Tiến sĩ	Luật		Luật
7.	Đình Thế Hưng	Viện NN&PL		Tiến sĩ	Luật		Luật
8.	Đỗ Xuân Hồng Lê	Công an tỉnh TT-Huế		Thạc sĩ	Luật		Luật
9.	Doãn Hồng Nhung	Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
10.	Dương Quỳnh Hoa	Viện NN&PL	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật
11.	Hà Thị Mai Hiên	Viện NN&PL	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật
12.	Hồ Ngọc Hiền	Trường ĐH mở Hà Nội		Tiến sĩ	Luật		Luật
13.	Hồ Quang Huy	Nhà xuất bản Tư pháp		Tiến sĩ	Luật		Luật

14.	Hoàng Hữu Chiến	Học viện Biên phòng		Tiến sĩ	Luật		Luật
15.	Hoàng Thị Quỳnh Chi	Trường Đại học Luật Hà Nội		Tiến sĩ	Luật		Luật
16.	Lê Hữu Du	Tòa án nhân dân tối cao		Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
17.	Lê Kim Nguyệt	Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
18.	Lê Ra	Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng		Tiến sĩ	Luật		Luật
19.	Lê Thị Hằng	Trường CT Nguyễn Chí Thanh		Tiến sĩ	Luật		Luật
20.	Lê Thị Hồng Thương	Bộ Công an		Tiến sĩ	Luật		Luật
21.	Ngô Thị Hường	Trường Đại học Luật Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật
22.	Nguyễn Đức Minh	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật
23.	Nguyễn Hải An	Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật Kinh tế
24.	Nguyễn Quang Tuyền	Trường ĐH Luật Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
25.	Nguyễn Thế Phúc	Đại Học Huế		Tiến sĩ	Triết học		Luật
26.	Nguyễn Thị Châu	Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh		Tiến sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính		Luật
27.	Nguyễn Thị Dung	Trường Đại học Luật Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật
28.	Nguyễn Thị Hồng Thúy	Trường Đại học Luật Hà Nội		Tiến sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính		Luật
29.	Nguyễn Thị Hường	Học viện Khoa học xã hội		Tiến sĩ	Luật		Luật

30.	Nguyễn Thị Lan	Trường Đại học Lao Động - Xã Hội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Luật
31.	Nguyễn Thị Thương Huyền	Học viện Tài chính	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật Kinh tế
32.	Nguyễn Văn Cừ	Trường Đại học Luật Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
33.	Nguyễn Văn Đông	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
34.	Nguyễn Văn Hợi	Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiến sĩ	Luật		Luật
35.	Nguyễn Văn Kỳ	Công ty Luật Kỹ Nguyễn và Cộng sự		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
36.	Nguyễn Văn Phụng	Ngân hàng PVCombank		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
37.	Nguyễn Văn Phương	Trường Đại học Mở Hà Nội		Tiến sĩ	Luật		Luật
38.	Phan Thanh Hà	Viện NN&PL		Tiến sĩ	Luật		Luật
39.	Phùng Thị Thủy Linh	Bộ Công an		Tiến sĩ	Luật		Luật
40.	Trần Công Dũng	Trương Chính trị Nguyễn Chí Thanh		Tiến sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính		Luật
41.	Trần Thị Huệ	Trường Đại học Luật Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật
42.	Trần Văn Biên	Viện NN&PL		Tiến sĩ	Luật		Luật
43.	Trần Văn Duy	Bộ tư pháp		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật kinh tế
44.	Trần Văn Hải	Trường ĐH KHXH&NV, ĐH QG Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế

45.	Trương Tiến Hưng	Viện NN&PL		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
46.	Võ Công Hạnh	Công ty Luật Công Khánh		Thạc sĩ	Luật		Luật
47.	Võ Công Khôi	Học viện Chính trị KV3		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
48.	Vũ Thị Duyên Thuý	Trường Đại học Luật Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật Kinh tế
49.	Vũ Thị Hải Yến	Trường Đại học Luật Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật
50.	Hồ Thị Vân Anh	Trường Chính trị tỉnh Vĩnh Phúc		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Luật
51.	Hồ Xuân Quang	Cục Quản lý thị trường tỉnh TT-Huế		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật Kinh tế
	Tổng số giảng viên thỉnh giảng	51					

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tuyensinh.hul.edu.vn/News/Category/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: (áp dụng từ năm 2024): <http://tuyensinh.hul.edu.vn/>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Theo quy định tại Điều 5 Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*), sau đây gọi là Quy chế.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Trường Đại học Luật, Đại học Huế tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- **Phương thức 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT

- **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi TN THPT năm 2024

- **Phương thức 3:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành

- **Phương thức 4:** Xét tuyển theo phương thức riêng của Trường Đại học Luật, Đại học Huế

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.	Đại học	7380101	Luật	200	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT	245	A00		C00		C20		D66	
2.	Đại học	7380101	Luật	100	Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi TN THPT năm 2024	420	A00		C00		C20		D66	

3.	Đại học	7380101	Luật	301	Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành	7								
4.	Đại học	7380101	Luật	303	Xét tuyển theo phương thức riêng của Trường ĐH Luật, ĐH Huế	28								
5.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế	200	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT	245	A00		C00		C20		D01	
6.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế	100	Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi TN THPT năm 2024	420	A00		C00		C20		D01	
7.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế	301	Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành	7								
8.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế	303	Xét tuyển theo phương thức riêng của Trường ĐH Luật, ĐH Huế	28								

1.5. Ngưỡng đầu vào

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT: Đã tốt nghiệp THPT, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là 18 điểm áp dụng đối với tất cả tổ hợp đăng ký xét tuyển, điểm xét tuyển là tổng điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng nếu có (làm tròn đến 2 chữ số thập phân).

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi TN THPT năm 2024: Trường Đại học Luật, Đại học Huế sẽ xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và của Đại học Huế trước khi thí sinh điều chỉnh nguyện vọng.

- Đối với phương thức xét tuyển theo quy định riêng của Trường Đại học Luật, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển là thí sinh đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Tiêu chí 1: Thí sinh thuộc các trường THPT chuyên, THPT năng khiếu, THPT thực hành đạt danh hiệu học sinh giỏi năm học lớp 12;

+ Tiêu chí 2: Thí sinh thuộc các trường THPT có học lực đạt loại giỏi năm học lớp 11 và năm học lớp 12;

+ Tiêu chí 3: Thí sinh có học lực loại khá trong cả 3 năm học THPT trở lên và đáp ứng điều kiện về ngoại ngữ sau:

* Tiếng Anh: có chứng chỉ IELTS đạt điểm từ 5,0 trở lên, TOEFL iBT đạt từ 64 điểm trở lên hoặc TOEIC (4 kỹ năng) đạt từ 600 điểm trở lên; chứng chỉ còn thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp tính đến ngày 30/6/2024.

* Tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung: là học sinh lớp 12 chuyên tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung của các trường THPT chuyên hoặc là học sinh lớp song ngữ có học tiếng Pháp/ tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung của các trường THPT và điểm trung bình tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung năm lớp 12 từ 7,5 điểm trở lên.

+ Tiêu chí 4: Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương các năm 2022, 2023, 2024 ở các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, GDCD; thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia.

+ Tiêu chí 5: Thí sinh tham dự Vòng thi tuần cuộc thi "Đường lên đỉnh Olympia" của Đài truyền hình Việt Nam và có học lực loại khá trong cả 3 năm học THPT trở lên.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

*** Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT:**

- Điểm xét tuyển bằng tổng điểm của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, ưu tiên khu vực theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Cách tính điểm và điểm ưu tiên xét tuyển

Sử dụng kết quả học tập các môn trong tổ hợp môn xét tuyển ở cấp THPT của 3 học kỳ: Học kỳ 1 lớp 11, học kỳ 2 lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 để tính điểm xét tuyển. Điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển là điểm trung bình chung (làm tròn đến 1 chữ số thập phân) mỗi môn học của học kỳ 1 lớp 11, học kỳ 2 lớp 11, học kỳ 1 lớp 12. Điều kiện xét tuyển là tổng điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển phải ≥ 18.0 :

$$\mathbf{ĐXT = (Môn 1 + Môn 2 + Môn 3) + ĐƯT (nếu có)}$$

(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐƯT: Điểm ưu tiên).

Nếu số thí sinh có cùng mức điểm xét tuyển lớn hơn chỉ tiêu xét tuyển thì ưu tiên xét tuyển các thí sinh có điểm trung bình chung học tập năm học lớp 12 cao hơn..

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức dựa trên kết quả học tập bậc THPT phải xác nhận nhập học theo hình thức và thời gian do Trường ấn định. Trường hợp tuyển sinh theo phương thức này chưa hết chỉ tiêu thì số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức dựa trên kết quả của kỳ thi TN THPT năm 2024 và ngược lại.

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi TN THPT năm 2024: Căn cứ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy năm 2024 và số lượng hồ sơ đăng ký xét tuyển, Trường Đại học Luật, Đại học Huế sẽ quyết định điểm trúng tuyển cho các ngành học.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển: Thực hiện theo kế hoạch của Đại học Huế

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

- Các thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực, tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế hiện hành;

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo các tiêu chí cụ thể như sau:

1. Thí sinh là thành viên chính thức đội tuyển quốc gia dự kỳ thi Olympic quốc tế, thành viên chính thức đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế.

2. Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, GDCD; thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia.

Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển theo Quy chế hiện hành.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Huế

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

Học phí áp dụng với sinh viên chính quy dự kiến mức thu năm học 2024 – 2025 là 14 triệu đồng/năm/sinh viên; mức tăng hàng năm (nếu có) không quá 20% so với mức học phí năm liền kề.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: thực hiện theo kế hoạch chung của Đại học Huế

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

1.12.1 Khen thưởng dành cho thí sinh đạt Thủ khoa Trường, Á khoa Trường

+ Khen thưởng dành cho thí sinh đạt Thủ khoa Trường, Á khoa Trường xét dựa trên điểm thi TN THPT năm 2024 của thí sinh, không phân biệt phương thức xét tuyển.

+ Thủ khoa được khen thưởng: 30.000.000 đồng (xét theo điểm thi TN THPT năm 2024).

+ Á khoa được khen thưởng: 20.000.000 đồng (xét theo điểm thi TN THPT năm 2024).

(Trường hợp có số điểm ngang nhau thì xét học bổng căn cứ kết quả học tập trung bình cả năm lớp 12 của thí sinh).

1.12.2. Học bổng dành cho thí sinh có kết quả cao trong kì thi TN THPT 2024

+ Thí sinh có điểm thi TN THPT năm 2024 từ 27 điểm trở lên (không tính điểm ưu tiên): cấp học bổng tương đương học phí của năm học thứ 3 và năm học thứ 4 trong khóa học, ưu tiên tuyển chọn đi học nước ngoài theo các chương trình trao đổi sinh viên giữa Trường Đại học Luật và các đại học khác trên thế giới, xét và cấp học bổng tài trợ của tổ chức, cá nhân tài trợ cho sinh viên,...

+ Thí sinh có điểm thi TN THPT năm 2024 từ 25 điểm trở lên (không tính điểm ưu tiên): cấp học bổng tương đương học phí của năm học thứ 3 trong khóa học, xét và cấp học bổng tài trợ của tổ chức, cá nhân tài trợ cho sinh viên,...

*** Ghi chú:**

- Thí sinh có điểm thi TN THPT năm 2024 từ 25 điểm trở lên (không phân biệt tổ hợp xét tuyển, không tính điểm ưu tiên), nhập học bằng bất kì phương thức nào đều được nhận các mức học bổng kể trên.

1.12.3. Học bổng dành cho thí sinh Xét tuyển thẳng; Xét tuyển theo phương thức riêng của Trường Đại học Luật

- Nhóm 1: Học bổng dành cho thí sinh Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT:

+ Đối tượng: Thí sinh là thành viên chính thức đội tuyển dự kỳ thi Olympic quốc tế; thành viên chính thức đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế *hoặc* Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp và thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia;

+ Chế độ học bổng: *học bổng toàn phần khóa học*

- **Nhóm 2:** Học bổng dành cho thí sinh xét tuyển theo phương thức riêng của Trường Đại học Luật theo quy định tại Đề án tuyển sinh năm 2024

+ Đối tượng 1: Thí sinh thuộc các trường THPT chuyên, THPT năng khiếu, THPT thực hành có học lực đạt loại giỏi năm học lớp 12;

+ Chế độ học bổng: *học bổng tương đương học phí của năm học thứ 2 trong khóa học*

+ Đối tượng 2: Thí sinh thuộc các trường THPT có học lực đạt loại giỏi năm học lớp 11 và năm học lớp 12 *hoặc* thí sinh có học lực đạt loại khá trong cả 3 năm học THPT trở lên và đáp ứng điều kiện ngoại ngữ: có chứng chỉ tiếng Anh IELTS đạt điểm từ 5,0 trở lên, TOEFL iBT đạt từ 64 điểm trở lên hoặc TOEIC (4 kỹ năng) đạt từ 600 điểm trở lên; Tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung: là học sinh lớp 12 chuyên Tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung của các trường THPT chuyên hoặc là học sinh lớp song ngữ có học Tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung của các trường THPT và điểm trung bình tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung năm lớp 12 từ 7,5 điểm trở lên *hoặc* Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương các năm 2021, 2022, 2023 ở các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, GDCD *hoặc* thí sinh tham dự Vòng thi tuần cuộc thi "Đường lên đỉnh Olympia" của Đài truyền hình Việt Nam và có học lực loại khá trong cả 3 năm học THPT trở lên *hoặc* thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương THPT và đã đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

+ Chế độ học bổng: *học bổng tương đương học phí của học kì 1 năm học thứ 2 trong khóa học*

1.12.4. Điều kiện hưởng học bổng theo Đề án tuyển sinh

- Sinh viên nhập học vào Trường Đại học Luật, Đại học Huế theo các phương thức xét tuyển của Trường;

- Không bị xử lý kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

- Đang còn học tập tại Trường đến thời điểm nhận học bổng, tại thời điểm xét cấp học bổng điểm trung bình học tập hệ 4 đạt từ 2.5 điểm trở lên được nhận 100% mức học bổng, dưới 2.5 điểm nhận 50% mức học bổng.

- Sinh viên đạt Thủ khoa, Á khoa Trường vẫn được nhận học bổng theo Đề án tuyển sinh;

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí thì được nhận học bổng bằng tiền mặt;

- Học bổng tương đương với mức học phí của số tín chỉ trong học kì theo Chương trình đào tạo của Nhà trường;

- Sinh viên đạt nhiều mức học bổng thì chỉ được nhận học bổng ở mức cao nhất.

1.12.5. Quy trình xét duyệt học bổng theo Đề án tuyển sinh

Bước 1. Thành lập Hội đồng và Tổ thư ký xét điều kiện thí sinh được hưởng học bổng theo Đề án tuyển sinh

Bước 2. Thống kê danh sách sinh viên đủ điều kiện hưởng học bổng theo các tiêu chí trong Đề án tuyển sinh

Bước 3. Thông báo công khai danh sách sinh viên đủ điều kiện hưởng học bổng theo Đề án tuyển sinh (thời gian 7 ngày)

Bước 4. Hội đồng xét điều kiện thí sinh được hưởng học bổng theo Đề án tuyển sinh họp thông qua danh sách

Bước 5. Hiệu trưởng ra Quyết định cấp học bổng cho sinh viên theo Đề án tuyển sinh

Bước 6. Phòng CTSV là đầu mối, phối hợp Phòng Đào tạo, Phòng KH-TC, Phòng KT&BDCLGD rà soát sinh viên đang học để Quyết định cấp học bổng theo từng học kỳ.

1.12.6. Tuyển sinh đào tạo chương trình thứ hai (song bằng)

*** Ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh**

Stt	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
1	Luật	7380101	100	Xét tuyển
2	Luật Kinh tế	7380107	100	Xét tuyển

*** Đối tượng, điều kiện được học chương trình thứ hai**

- Là sinh viên đại học hệ chính quy tập trung của Đại học Huế, đã kết thúc học kì 1 năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất.

- Điểm trung bình chung tích lũy ở chương trình thứ nhất không thuộc diện xếp hạng học lực yếu tại thời điểm đăng ký học chương trình thứ hai và không đang thời gian bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất và không đang theo học chương trình thứ hai khác.

- Thời gian đào tạo ở chương trình thứ hai không dài hơn so với chương trình thứ nhất.

- Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 của chương trình thứ hai, phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

- Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

*** Thời gian và kế hoạch học tập**

- Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất (từ 20% - 30%). Quá thời gian nêu trên, sinh viên không tốt nghiệp chương trình thứ hai thì được cấp bằng điểm học tập các học phần đã tích lũy.

- Kế hoạch học tập của chương trình hai tuân thủ kế hoạch chung của Trường Đại học Luật, Đại học Huế và quy định của Quy chế đào tạo hiện hành (thời gian học phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của sinh viên; dự kiến lịch học được bố trí vào các buổi tối và cuối tuần).

- Hoàn thành khóa học được cấp bằng cử nhân Luật hoặc cử nhân Luật Kinh tế.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học. (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 97 tỷ đồng

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 14 triệu đồng/sinh viên.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2.1.1. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc cao đẳng các ngành: Luật, Pháp lý.

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc cao đẳng các ngành khác. Thí sinh tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc cao đẳng các ngành khác học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển. Học phần bổ sung kiến thức, thời gian học, kinh phí học được thông báo cụ thể trong thông báo tuyển sinh theo từng đợt của Nhà trường.

2.1.2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp đại học

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học (không phân biệt loại hình đào tạo).

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

2.3.1. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

Phương thức tuyển sinh: thi tuyển

Thí sinh dự thi 03 môn: Triết học, Nhà nước và pháp luật đại cương, Luật Hiến pháp.

2.3.2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp đại học

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy nhóm ngành Khoa học xã hội – nhân văn của các trường thuộc Đại học Huế.

- **Phương thức 2:** Thi tuyển, áp dụng đối với thí sinh không thuộc diện xét tuyển. Thí sinh dự thi 02 môn: Triết học, Nhà nước và pháp luật đại cương.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7380101	Luật		Thi tuyển sinh do cơ sở đào tạo tổ chức	650	6288/QĐ-BGDĐT	29/12/2015	cơ quan có thẩm quyền cho phép	2016
							210/QĐ/ĐHH-ĐTĐH	28/12/2007	cơ quan có thẩm quyền cho phép	2016

2.5. Ngưỡng đầu vào: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là thí sinh dự thi đủ số môn quy định và không có môn nào bị điểm dưới 5 (năm).

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

2.7.1. *Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên*

- Thời gian tuyển sinh (dự kiến): tháng 4 năm 2024.

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển: thí sinh nộp hồ sơ (theo mẫu quy định của Trường Đại học Luật) trực tiếp tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

- Điều kiện thi tuyển: Trường ra đề thi và tổ chức thi tuyển. Môn thi tuyển: Triết học, Nhà nước và pháp luật đại cương, Luật Hiến pháp. Thí sinh dự thi đủ số môn quy định, đạt điểm trúng tuyển do Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Luật, Đại

học Huế quy định theo từng khu vực, đối tượng của quy chế tuyển sinh và không có môn nào bị điểm dưới 5 (năm) thì thuộc diện trúng tuyển.

2.7.2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp đại học

- Thời gian tuyển sinh (dự kiến): tháng 4 năm 2023.

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển: thí sinh nộp hồ sơ (theo mẫu quy định của Trường Đại học Luật) trực tiếp tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

- Điều kiện thi tuyển: Trường ra đề thi và tổ chức thi tuyển. Môn thi tuyển: Triết học, Nhà nước và pháp luật. Thí sinh dự thi đủ số môn quy định, đạt điểm trúng tuyển do Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Luật, Đại học Huế quy định, không có môn nào bị điểm dưới 5 (năm) thì thuộc diện trúng tuyển.

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

2.8.1. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

Áp dụng theo quy chế tuyển sinh của đại học hệ chính quy. Thí sinh phải tự khai rõ đặc điểm ưu tiên kèm theo các giấy tờ chứng nhận quyền ưu tiên và chỉ được hưởng 1 chế độ ưu tiên hợp lệ. Trường không nhận và không xem xét giấy tờ xác nhận ưu tiên sau khi đã thi tuyển.

2.8.2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp đại học

Xét tuyển thẳng thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy nhóm ngành Khoa học xã hội – nhân văn của các trường thuộc Đại học Huế.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Luật.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Học phí áp dụng với sinh viên chính quy dự kiến mức thu năm học 2024 – 2025 là 14 triệu đồng/năm/sinh viên; mức tăng hàng năm (nếu có) không quá 20% so với mức học phí năm liền kề..

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

- *Tuyển sinh bổ sung đợt 1*: tháng 10 năm 2024

- *Tuyển sinh bổ sung đợt 2*: tháng 12 năm 2024

2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm:

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT:
<http://tuyensinh.hul.hueuni.edu.vn/News/Category/thong-tin-tuyen-sinh-khac>

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên).

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Phương thức 1: Xét tuyển

+ Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên): Điểm của từng môn trong tổ hợp xét tuyển (tổ hợp xét tuyển tương ứng với tổ hợp xét tuyển đại học chính quy) là điểm trung bình môn học năm học lớp 12 ghi trong học bạ của thí sinh. Nguyên tắc xét tuyển là lấy từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.

+ Hoặc xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024 tuyển (tổ hợp xét tuyển tương ứng với tổ hợp xét tuyển đại học chính quy).

- Phương thức 2: Thi tuyển

Thi tuyển áp dụng trong trường hợp thí sinh không đủ điều kiện xét tuyển theo quy định tại phương thức 1. Trường ra đề thi và tổ chức thi tuyển.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7380101	Luật		Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT	200	2836/QĐ-BGD&ĐT	05/08/2015	cơ quan có thẩm quyền cho phép	2015

1.5. Ngưỡng đầu vào

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT: Đã tốt nghiệp THPT, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là 15 điểm áp dụng đối với tất cả tổ hợp đăng kí xét tuyển (tính cả điểm ưu tiên); xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024 ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là không có môn nào bị điểm dưới 1 (một).

- Đối với phương thức thi tuyển: ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là không có môn nào bị điểm dưới 5 (năm)

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Thời gian tuyển sinh (dự kiến): tháng 10 năm 2024.

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển: thí sinh nộp hồ sơ (theo mẫu quy định của Trường Đại học Luật) trực tiếp tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế hoặc các cơ sở liên kết đặt lớp đào tạo của Nhà trường.

- Điều kiện xét tuyển/thi tuyển:

+ Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên): Điểm của từng môn trong tổ hợp xét tuyển là điểm trung bình môn học tương ứng năm học lớp 12 ghi trong học bạ của thí sinh. Nguyên tắc xét tuyển là lấy từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024: Tổ hợp môn xét tuyển là tổ hợp các môn xét tuyển tương ứng với hệ đào tạo chính quy của Nhà trường hàng năm. Thí sinh đạt điểm trúng tuyển do Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Luật, Đại học Huế quy định theo từng khu vực, đối tượng của quy chế tuyển sinh và không có môn nào bị điểm dưới 1 (một) thì thuộc diện trúng tuyển. Không bảo lưu kết quả kỳ thi THPT quốc gia trong xét tuyển.

+ Thi tuyển: Thi tuyển áp dụng trong trường hợp thí sinh không đủ điều kiện xét tuyển. Trường ra đề thi và tổ chức thi tuyển, môn thi tuyển: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý. Thí sinh dự thi đủ số môn quy định, đạt điểm trúng tuyển do Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Luật, Đại học Huế quy định theo từng khu vực, đối tượng của quy chế tuyển sinh và không có môn nào bị điểm dưới 5 (năm) thì thuộc diện trúng tuyển.

1.8. Chính sách ưu tiên: Chính sách ưu tiên theo đối tượng và theo khu vực trong tuyển sinh đối với đại học VLVH được áp dụng theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành có hiệu lực tại thời điểm xét tuyển.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Luật.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Học phí áp dụng với sinh viên vừa làm vừa học dự kiến mức thu năm học 2024 – 2025 là 14 triệu đồng/năm/sinh viên; mức tăng hàng năm (nếu có) không quá 20% so với mức học phí năm liền kề.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

- *Tuyển sinh bổ sung đợt 1*: tháng 12 năm 2024

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2.1.1. *Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên*

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng không phân biệt loại hình đào tạo; thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề, cao đẳng nghề (thí sinh tốt nghiệp trung cấp nghề, cao đẳng nghề phải tốt nghiệp THPT).

2.1.2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp đại học

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học (không phân biệt loại hình đào tạo).

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

2.3.1. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

- Phương thức 1: Xét tuyển

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trung bình toàn khóa học ghi trong bảng điểm tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, trung cấp nghề, cao đẳng nghề của thí sinh (thí sinh tốt nghiệp trung cấp nghề, cao đẳng nghề phải tốt nghiệp THPT).

- Phương thức 2: Thi tuyển

Thi tuyển áp dụng trong trường hợp thí sinh không có bảng điểm để chứng minh kết quả học tập trung cấp, cao đẳng.
Thí sinh dự thi 3 môn: Triết học, Nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp

2.3.2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp đại học

- Phương thức 1: Xét tuyển

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trung bình toàn khóa học ghi trong bảng điểm tốt nghiệp đại học thứ nhất của thí sinh.

- Phương thức 2: Thi tuyển

Thi tuyển áp dụng trong trường hợp thí sinh không có bảng điểm để chứng minh kết quả học tập đại học bằng thứ nhất.
Thí sinh dự thi 2 môn: Triết học, Nhà nước và pháp luật.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7380101	Luật		Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trung bình toàn khóa học	600	6288/QĐ-BGDĐT	29/12/2015	cơ quan có thẩm quyền cho phép	2016

2.5. Ngưỡng đầu vào.

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trung bình toàn khóa học ghi trong bảng điểm tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, đại học của thí sinh. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

+ Đào tạo theo hình thức niên chế: điểm tối thiểu xét tuyển từ 5.0/10 trở lên;

+ Đào tạo theo hình thức tín chỉ: điểm tối thiểu xét tuyển từ 2.0/4 trở lên.

- Phương thức 2: Thi tuyển

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là thí sinh dự thi đủ số môn quy định, không có môn nào bị điểm dưới 5 (năm).

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

2.7.1. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

- Thời gian tuyển sinh (dự kiến): tháng 4 năm 2024.

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển: thí sinh nộp hồ sơ (theo mẫu quy định của Trường Đại học Học Luật) trực tiếp tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế hoặc các cơ sở liên kết đào tạo của Nhà trường.

- Điều kiện xét tuyển: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trung bình toàn khóa học ghi trong bảng điểm tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, trung cấp nghề, cao đẳng nghề của thí sinh (thí sinh tốt nghiệp trung cấp nghề, cao đẳng nghề phải tốt nghiệp THPT). Nguyên tắc xét tuyển là lấy từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.

- Điều kiện thi tuyển: Trường ra đề thi và tổ chức thi tuyển. Môn thi tuyển: Triết học, Nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp. Thí sinh dự thi đủ số môn quy định, đạt điểm trúng tuyển do Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Luật, Đại học Huế quy định theo từng khu vực, đối tượng của quy chế tuyển sinh và không có môn nào bị điểm dưới 5 (năm) thì thuộc diện trúng tuyển.

2.7.2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp đại học

- Thời gian tuyển sinh (dự kiến): tháng 4 năm 2024.

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển: thí sinh nộp hồ sơ (theo mẫu quy định của Trường Đại học Luật) trực tiếp tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế hoặc các cơ sở liên kết đặt lớp đào tạo của Nhà trường.

- Điều kiện xét tuyển: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập trung bình toàn khóa học ghi trong bảng điểm tốt nghiệp đại học thứ nhất của thí sinh. Nguyên tắc xét tuyển là lấy từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.

- Điều kiện thi tuyển: Trường ra đề thi và tổ chức thi tuyển cho thí sinh không đủ điều kiện xét tuyển. Môn thi tuyển: Triết học, Nhà nước và pháp luật. Thí sinh dự thi đủ số môn quy định, đạt điểm trúng tuyển do Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Luật, Đại học Huế quy định theo từng khu vực, đối tượng của quy chế tuyển sinh và không có môn nào bị điểm dưới 5 (năm) thì thuộc diện trúng tuyển.

2.8. Chính sách ưu tiên

2.8.1. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

Chính sách ưu tiên theo đối tượng và theo khu vực trong tuyển sinh đối với đại học VLVH liên thông được áp dụng theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành có hiệu lực tại thời điểm xét tuyển.

2.8.2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp đại học

Không áp dụng các chính sách ưu tiên

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Luật.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Học phí áp dụng với sinh viên vừa làm vừa học dự kiến mức thu năm học 2024 – 2025 là 14 triệu đồng/năm/sinh viên; mức tăng hàng năm (nếu có) không quá 20% so với mức học phí năm liền kề.

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

- *Tuyển sinh bổ sung đợt 1*: tháng 10 năm 2024

- *Tuyển sinh bổ sung đợt 2*: tháng 12 năm 2024

2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Cán bộ kê khai

Nguyễn Xuân Hương

SĐT: 0974751181

Email: huongnx@hul.edu.vn

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đoàn Đức Lương